

Số: 333 /TDC - HCHQ

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2022

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận:

1. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 (thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

Địa chỉ trụ sở: Số 49 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.38294274

Fax: 028.38293012

Email: qt-tonghop@quatest3.com.vn/info@quatest3.com.vn

Địa chỉ nơi thử nghiệm:

a) Khu Thử nghiệm Biên Hòa:

Số 7 Đường số 1, khu Công nghiệp Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0251.3836212

Fax: 0251.3836298

Email: tn-cskh@quatest3.com.vn

b) Khu Văn phòng và Phòng Thí nghiệm:

Lô C5, Đường K1, KCN Cát Lái, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.382 942 74

Fax: 028.382 930 12

Email: qt-tonghop@quatest3.com.vn

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực thử nghiệm **Hóa** (Danh mục sản phẩm, hàng hóa, phép thử, tiêu chuẩn và phương pháp thử nghiệm theo Phụ lục kèm theo Giấy chứng nhận này).

kg

2. Số đăng ký: 77/TN - TĐC.

3. Giấy chứng nhận được cấp lần tám mươi tám (88) và có hiệu lực đến ngày 10 tháng 10 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3;
- Bộ KH-CN (để b/c);
- Lưu: VT, HCHQ

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Linh

Phụ lục
DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA VÀ CÁC PHÉP THỬ
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số: 333/TĐC-HCHQ ngày 11/02/2022
của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

TT	Tên sản phẩm/ phép thử	Tiêu chuẩn thử nghiệm/ Phương pháp thử nghiệm
A	LĨNH VỰC THỬ NGHIỆM HÓA	
	Hóa chất, Phụ gia thực phẩm	
1	Xác định hàm lượng ethylen oxide	FAO JECFA Monograph 1, Vol 4 (2006) - 1,4 - Dioxane and ethylene oxide USP 43, 2020 - 1,4 - Dioxane and ethylene oxide
2	Sức căng bề mặt của dung dịch 0,5%, 20°C	ASTM D 1331 - 14
3	Trạng thái của dung dịch	
	Axit formic (HCOOH)	
4	Xác định hàm lượng Axit formic	FCC XII, 2020 - Formic acid
	Gelatin	
5	Tạo đục	QCVN 4 - 21:2011/BYT (PL 20)
6	Các hợp chất tan trong nước và có mùi	
7	Giải phóng amoniac	
8	Hàm lượng protein	FCC XII, 2020 - Gelatin monograph
	Lưu huỳnh	
9	Hàm lượng tro tổng	64 TCN 19 - 79
10	Hàm lượng mất khi sấy ở 75°C	
11	Hàm lượng cặn không tan trong CS ₂	
12	Hàm lượng acid tự do tính theo H ₂ SO ₄	
13	Hàm lượng lưu huỳnh tính trên chất khô	
	Calci hydroxide (Ca(OH) ₂)	
14	Hàm lượng Ca(OH) ₂	QCVN 4 - 11:2010/BYT (PL 27)
	Than hoạt tính	
15	Tro tổng	ASTM D 2866 - 11 (2018)
16	Độ ẩm	ASTM D 2867 - 17



Ký

TT	Tên sản phẩm/ phép thử	Tiêu chuẩn thử nghiệm/ Phương pháp thử nghiệm
17	Chỉ số iod	ASTM D 4607 - 14
18	Chỉ số hấp thụ xanh methylene	TCVN 5335 : 2009
19	Thành phần hạt	ASTM D 5158 - 98
	Glycerin	
20	Hàm lượng glycerin tính trên chất khô	FAO FNP 52 (1992) - Glycerol monograph
21	Hàm lượng tro sulfate	
22	Định tính màu	
23	Các hợp chất clo hóa	
24	Acid béo và ester	
25	Các hợp chất dễ than hóa	
	NaClO, Ca(OCl)₂, TCCA	
26	Hàm lượng Cl ₂ hữu hiệu	ASTM D 2022 - 89 (2016)
27	Hàm lượng NaClO	
28	Hàm lượng Ca(ClO) ₂	
29	Hàm lượng TCCA	
30	Hàm lượng Cl ₂ tổng	
	Chất tẩy rửa	
31	Hàm lượng chất hoạt động bề mặt anion	TCVN 5455 : 1998
	Acid clohydric (HCl)	
32	Hàm lượng acid clohydric (HCl)	TCVN 1556 : 1997
33	Hàm lượng cặn sau nung	
34	Hàm lượng Cl ₂ tự do	
35	Hàm lượng Fe	
36	Hàm lượng H ₂ SO ₄ tính theo SO ₄ ²⁻	
37	Tỷ trọng	
	Natri bicarbonat (Na HCO₃)	
38	Hàm lượng NaHCO ₃ tính trên chất khô	QCVN 4 - 13 :2010/BYT (PL 8)
39	Các chất tan trong nước	
40	Nhận biết muối amoi	

TT	Tên sản phẩm/ phép thử	Tiêu chuẩn thử nghiệm/ Phương pháp thử nghiệm
B	LĨNH VỰC THỬ NGHIỆM HÓA (Phòng thử nghiệm hàng tiêu dùng)	
	Vật liệu	
41	Xác định hàm lượng PCP, TeCP, TriCP, DiCP, MoCP trong vật liệu	DIN 50009 : 2021 - 1
	Sản phẩm dầu mỡ	
42	Xác định hàm lượng methyl ester axit béo	EN 14078 :2014

Ghi chú:

Đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng điều chỉnh của các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, các văn bản quy phạm pháp luật do các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành để quản lý chất lượng sản phẩm, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 phải tuân thủ các quy định của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành trước khi thực hiện./

Kg



